TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm
Ông Phạm Thành Đồng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Tuyết S, sinh năm 2000.

Địa chỉ: số 166A, đường Đ, khu phố B, phường 6, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: số 340, ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Chị S, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Đào Tuyết S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh chị tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Đào T , sinh ngày 19/4/2021. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không gởi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Chị S thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, cho chị S được ly hôn với anh T. Về con chung: Hiện con chung Nguyễn Đào T Chi đang do chị S nuôi dưỡng, con dưới 36 tháng tuổi nên tiếp tục giao cho chị S nuôi là phù hợp. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T. Theo hồ sơ thể hiện, anh T cư trú tại ấp xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Theo trích lục kết hôn do chị S cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre chứng nhận kết hôn cho chị và anh T vào ngày 04/12/2020. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn nhau, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị S cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nên không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2022 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn cho anh chị. Tuy nhiên, anh T không đến tham dự phiên hòa giải và cũng không gởi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến mong muốn hàn gắn với chị S.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững phải xuất phát từ sự tự nguyện và tình cảm thương yêu của cả vợ và chồng. Trên thực tế, chị S và anh T phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022, anh chị sống riêng và đến nay cũng không có ý muốn hàn gắn với nhau. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Đào T , sinh ngày 19/4/2021. Con chung dưới 36 tháng tuổi, đồng thời do chị S đang nuôi dưỡng, vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Chị S cho rằng về tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T vắng mặt tại Tòa, nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị S thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 59, 80, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Tuyết S, cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Chị Đào Tuyết S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung: Chị Đào Tuyết S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đào T, sinh ngày 19/4/2021. Ghi nhận chị Đào Tuyết S không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Chị Đào Tuyết S có trách nhiệm nộp án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000190 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị Đào Tuyết S đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đào Tuyết S, anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan